TAND HUYỆN T **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2023/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 18 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LAI CHÂU

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Dương Thị Tuyết Thanh.

Thư ký phiên họp: Ông Giang Tiến Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự sơ thẩm thụ L số: 113/2023/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2023 về việc "Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 04/2023/QĐST- HNGĐ ngày 06/9/2023 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1944; Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Đ, sinh ngày 02/3/1981; Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

2. Anh Hoàng Văn N; tên gọi khác: Hoàng Văn Ở, sinh ngày 20/10/1974; Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

3. Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu; Địa chỉ: Tổ dân phố 15, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu.

Đại diện theo pháp Luật: Ông Phạm Chí Mười - Chức vụ: Chủ tịch. Vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và các lời khai trong quá trình giải quyết việc dân sự của người yêu cầu bà Phạm Thị L trình bày:

Bà có con gái là Nguyễn Thị Đ, sinh ngày 02/3/1981 lấy chồng tên Hoàng Văn N (tên gọi khác là Hoàng Văn Ở), sinh ngày 20/10/1974. Con gái bà Nguyễn Thị Đ và anh Hoàng Văn N đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 25/8/1997, có giấy chứng nhận kết hôn do UBND thị trấn Nông Trường, huyện Than Uyên, tỉnh Lào Cai (cũ) nay là UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu cấp số 34, quyển số 01. Khi đi đăng ký kết hôn, Nguyễn Thị Đ khai bản thân sinh ngày 18/02/1979 trong khi ngày tháng năm sinh thực tế của Nguyễn Thị Đ là 02/3/1981, con gái bà biết mình chưa đủ tuổi nên đã khai tăng tuổi lên là sinh ngày 18/02/1979 để đủ tuổi đăng ký kết hôn. Theo như quy định tại Điều 5 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 thì khi kết hôn N phải từ 20 tuổi trở lên, Nữ phải từ 18 tuổi trở lên. Như vậy tại thời điểm đăng ký kết hôn con gái của tôi là Nguyễn Thị Đ chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn, lúc đó Nguyễn Thị Đ mới 16 tuổi 5 tháng 23 ngày. Vì vậy, bà làm đơn này yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa Nguyễn Thị Đ và Hoàng Văn N (tên gọi khác: Hoàng Văn Ở) theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 34 ngày 25/8/1997 của UBND thị trấn Nông Trường, huyện Than Uyên, tỉnh Lào Cai (cũ) nay là UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu.

Tại biên bản lấy lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Đ và anh Hoàng Văn N đều trình bày: Anh chị kết hôn ngày 25/8/1997 tại UBND thị trấn Nông Trường, huyện Than Uyên nay là huyện T, tỉnh Lai Châu. Khi kết hôn anh chị hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Thời điểm kết hôn chị Đ được 16 tuổi 5 tháng 23 ngày còn anh N mới bước sang tuổi 23, chị Đ chính xác sinh ngày 02/3/1981 nhưng khi đăng ký kết hôn chị Đ đã tự ý khai tăng tuổi để đảm bảo độ tuổi kết hôn. Đến nay, bà L đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn giữa hai anh chị thì chị Đ nhất trí vì L do chị và N chung sống với nhau không còn hạnh phúc, từ năm 2015 anh N thường xuyên đánh đập chị, đã nhiều lần tổ hòa giải phải can thiệp hòa giải nhưng anh N không thay đổi, chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ để ở và ly thân với anh N, còn anh N không nhất trí và mong muốn tiếp tục chung sống vì các con đã lớn. Về con chung chị Đ và anh N có 02 con chung là Hoàng Thị T1, sinh ngày 03/12/1997 và Hoàng Thanh H, sinh ngày 20/8/2007. Hiện nay con chung Hoàng Thị T1 đã trưởng thành, còn con chung Hoàng Thanh H ở cùng với chị Đ tại nhà bà ngoại. Chị Đ và anh N đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung Hoàng Thanh H và không yêu cầu cấp dưỡng. Con chung Hoàng Thanh H có nguyện vọng được ở với mẹ.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị Đ và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết việc dân sự, Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu xác định:

Chị Nguyễn Thị Đ, sinh ngày 02/3/1981 và anh Hoàng Văn Ở, sinh ngày 20/10/1974 cùng trú tại: Tổ dân phố 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu có thực hiện việc đăng ký kết hôn ngày 25/8/1997 tại UBND thị trấn Nông Trường, huyện Than Uyên, tỉnh Lào Cai (cũ) nay là UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Việc kết hôn giữa chị Đ và anh Ở là hoàn toàn tự nguyện. Tại sổ đăng ký kết hôn lưu tại UBND thị trấn T thể hiện chị Nguyễn Thị Đ, sinh ngày 18/02/1979, anh Hoàng Văn Ở, sinh ngày 20/5/1975. Ngoài sổ đăng ký kết hôn lưu tại UBND thị trấn T không có giấy tờ, thông tin gì khác mà chị Đ và anh Ở giao nộp khi thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn. Từ những năm chưa chia tách tỉnh việc đăng ký kết hôn cho công dân được tạo điều kiện nếu không có giấy tờ tùy thân gì thì sẽ tự khai và cam đoan về thông tin đã khai. Nay bà Phạm Thị L là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị Đ yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Hoàng Văn Ở với L do là chị Nguyễn Thị Đ sinh ngày 02/3/1981 theo Trích lục khai sinh số 218 ngày 08/11/2018 đối với chị Nguyễn Thị Đ. Sau khi kiểm tra lại thông tin khai sinh của chị Nguyễn Thị Đ, tính hợp pháp của Giấy khai sinh đăng ký số 492/2018 đăng ký khai sinh ngày 08/11/2018 đối với chị Nguyễn Thị Đ. UBND thị trấn T nhận thấy tại thời điểm đăng ký kết hôn chị Nguyễn Thị Đ không đủ tuổi do vậy việc kết hôn giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Hoàng Văn Ở là kết hôn trái pháp luật, yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của bà Phạm Thị L là hoàn toàn đúng và có căn cứ. UBND thị trấn T nhất trí với yêu cầu của bà Phạm Thị L là hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Hoàng Văn Ở.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên họp, phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết việc dân sự, Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục giải quyết việc dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 367; 369 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điểm a khoản 1 Điều 8, Điều 10, Điều 11, Điều 12; Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm d khoản 2 Điều 11; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đề nghị chấp nhận yêu cầu bà Phạm Thị L: Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Hoàng Văn N (Hoàng Văn Ở) theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 34 ngày 25/8/1997 của UBND thị trấn Nông Trường, huyện Than Uyên, tỉnh Lào Cai (cũ) nay là UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu và giao con chung chưa thành niên cho chị Nguyễn Thị Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; không xem xét vấn đề cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung do chị Đ không yêu cầu; bà L không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Đây là yêu cầu về hủy việc kết hôn trái pháp luật do việc đăng ký kết hôn được thực hiện tại Ủy ban nhân dân thị trấn Nông Trường, huyện Than Uyên, tỉnh Lào Cai (cũ) nay là UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên họp, bà Phạm Thị L, chị Nguyễn Thị Đ, anh Hoàng Văn N, Ủy ban nhân dân thị trấn T đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Tòa án tiến hành mở phiên họp là đúng theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp Luật: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh ngày 02/3/1981 và anh Hoàng Văn N (Tên gọi khác: Hoàng Văn Ở), sinh ngày 20/10/1974 đăng ký kết hôn ngày 25/8/1997 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Nông Trường, huyện Than Uyên, tỉnh Lào Cai (cũ) nay là UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu trên cơ sở tự nguyện. Tuy nhiên tại thời điểm đăng ký kết hôn, chị Nguyễn Thị Đ mới 16 tuổi 05 tháng 23 ngày nên chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Đến thời điểm hiện tại, chị Đ đã đủ tuổi kết hôn nhưng quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và hiện đang sống ly thân với nhau, chị Đ nhất trí việc yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của bà Phạm Thị L, mặc dù anh Hoàng Văn N không nhất trí nhưng xét thấy việc mâu thuẫn giữa anh và chị Đ là có thật, có việc anh đánh đập chị Đ và tổ hòa giải đã hòa giải 02 lần nhưng không thay đổi, anh mong muốn tiếp tục chung sống với chị Đ nhưng chị Đ không nhất trí. Căn cứ theo quy định của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và điểm b khoản 2 Điều 4 Thông

tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, cần chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị L về việc hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Đ và anh N theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 34 ngày 25/8/1997 của UBND thị trấn Nông Trường, huyện Than Uyên, tỉnh Lào Cai (cũ) nay là UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu.

[3] Về hậu quả pháp L của hủy việc kết hôn trái pháp luật.

Do việc kết hôn giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Hoàng Văn N vi phạm Điều 5 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986 và là kết hôn trái pháp luật nên kể từ khi quyết định này có hiệu lực pháp luật, chị Nguyễn Thị Đ và anh Hoàng Văn N phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị Đ và anh N có 02 con chung là Hoàng Thị T1, sinh ngày 03/12/1997 và Hoàng Thanh H, sinh ngày 20/8/2007. Hiện nay con chung Hoàng Thị T1 đã trưởng thành, còn con chung Hoàng Thanh H ở cùng với chị Đ tại nhà bà ngoại. Chị Đ và anh N đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung Hoàng Thanh H và không yêu cầu cấp dưỡng. Con chung Hoàng Thanh H có nguyện vọng được ở với mẹ.

Xét nguyện vọng của chị Đ về nuôi con chung là có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của con chung. Do vậy, cần giao con chung Hoàng Thanh H, sinh ngày 20/8/2007 cho chị Đ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con chung Hoàng Thanh H trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con chị Đ không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị Nguyễn Thị Đ và anh Hoàng Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Về kiến nghị: Kiến nghị UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu thực hiện việc ghi chú vào sổ hộ tịch về việc hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Hoàng Văn N (Tên gọi khác: Hoàng Văn Ở) theo quy định của pháp luật.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Căn cứ vào Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 11, Điều 37 của Nghị quyết số: 326/2016/UBNTVH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự bà Phạm Thị L không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

[6] Về quyền kháng cáo, quyền kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị Quyết định này theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 361; Điều 362; Điều 366; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; điểm a khoản 1 Điều 8; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; điểm d khoản 2 Điều 11, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Phạm Thị L. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Hoàng Văn N (Tên gọi khác: Hoàng Văn Ở) theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 34 ngày 25/8/1997 của UBND thị trấn Nông Trường, huyện Than Uyên, tỉnh Lào Cai (cũ) nay là UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu.

2. Về hậu quả pháp L của việc hủy kết hôn trái pháp luật:

- Chị Nguyễn Thị Đ và anh Hoàng Văn N phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng kể từ khi quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Hoàng Văn N 02 con chung là Hoàng Thị T1, sinh ngày 03/12/1997 và Hoàng Thanh H, sinh ngày 20/8/2007.

Giao con chung Hoàng Thanh H, sinh ngày 20/8/2007 cho chị Nguyễn Thị Đ là người trực triếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Đ không yêu cầu anh Hoàng Văn N cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị Nguyễn Thị Đ và anh Hoàng Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

3. Kiến nghị UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu thực hiện ghi chú vào sổ hộ tịch về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Hoàng Văn N theo quy định của pháp luật.

4. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Phạm Thị L không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết theo quy định.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND thị trấn T;
- Người yêu cầu;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Dương Thị Tuyết Thanh